

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH Qn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS - ST

Ngày 01 tháng 6 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH QN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NCD.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông LAC.

2. Bà NTBH.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông HVT - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh QN.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh QN tham gia phiên tòa:***
Bà HTN - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh QN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST - HS ngày 16 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

HDK, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1983, tại xã TP, huyện TB, tỉnh QN. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã TP, huyện TB, tỉnh QN. Nơi cư trú: xã TP, huyện TB, tỉnh QN; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông HP, sinh năm 1955 và bà NTX, sinh năm 1956; vợ chị DTT, sinh năm 1982; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007 và con nhỏ nhất, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt, bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bào chữa cho bị cáo:*** Hà DK có bà PTHC - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh QN, “có mặt”.

- ***Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Võ Văn T (đã chết):*** Chị PTO, sinh năm 1984 (vợ anh T). Nơi cư trú: xã TP, huyện TB, tỉnh QN (có mặt).

Chị O ủy quyền cho anh ĐVB, sinh năm 1983. Nơi cư trú: P L H P, thành phố QN, tỉnh QN, (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

Bà NTBL, sinh năm 1969 và ông NVĐ, sinh năm 1968. Đều có nơi cư trú: Thôn S, xã S T, huyện TB, tỉnh QN. Bà L ủy quyền cho ông Đ theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022, (ông Đ có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh H, sinh năm 1983, (có mặt);

+ Chị H, sinh năm 1974, (có mặt).

Đều có nơi cư trú: Thôn PT, xã TP, huyện TB, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 06/10/2021 HDK điều khiển xe ô tô BKS (biển kiểm soát) 76C-123.79 đi nhập keo (bán) cho nhà máy dăm trên đường đi thì K ghé về nhà của mình tại thôn P T, xã T P, huyện T B. Vì nhà của K không có vị trí đậu đỗ xe ô tô nên K điều khiển xe đi đến đoạn đường bê tông (đường liên xã T P đi xã T G) và đậu đỗ xe bên phần đường phía Tây, đầu xe quay về hướng Nam và cách ngã ba đường giao nhau giữa Quốc lộ 24C và đường bê tông liên xã T P đi xã T G khoảng 20 mét. Sau khi kiểm tra vị trí đậu đỗ xe, K khóa cửa và rời khỏi xe nhưng không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết. Xe do Khanh đỗ chiếm một phần lòng đường xe chạy nhưng K không đặt biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết, mà đi về nhà ở gần đó tắm rửa, sau đó qua nhà anh H đổi diện vị trí xe K đậu đỗ để chơi.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi đi nhậu về Võ Văn T điều khiển xe mô tô BKS (biển kiểm soát) 70F2-7277 theo hướng bắc vô nam, khi đến địa điểm trên thì va chạm với xe ô tô BKS 76C-123.79. Hậu quả anh Võ Văn T bị chấn thương nặng và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Q N và chết sau đó.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 895/KLGD-PC09, ngày 11/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận: Võ Văn T bị đa thương tích, đa chấn thương, chấn thương sọ não, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết.

Tại Kết luận số: 2924/KLGD-SGTVT, ngày 26/10/2021 của Sở Giao thông vận tải tỉnh kết luận:

“- Xe ô tô BKS 76C-123.79 nhãn hiệu T G, số loại TGFA86T4x4, số máy WP4, 165E32*4P16K006384, số khung RNNFTF2D4HCM00026, loại phương tiện ô tô tải (có mui), có 03 chỗ ngồi, khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông 8.500kg, khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông 16.000kg, sản xuất tại Việt Nam năm 2017; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có hiệu lực đến hết ngày 27/3/2022.

- Kiểu loại và kết cấu xe phù hợp theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Tình trạng kỹ thuật của hệ thống phanh: Có đầy đủ các chi tiết, đúng vị trí lắp, hoạt động bình thường, đảm bảo an toàn kỹ thuật.

- Tình trạng kỹ thuật của hệ thống lái: Có đầy đủ các chi tiết, đúng vị trí lắp, hoạt động bình thường, đảm bảo an toàn kỹ thuật.

- Tình trạng kỹ thuật hệ thống treo: Có đầy đủ các chi tiết, đúng vị trí lắp, hoạt động bình thường, đảm bảo an toàn kỹ thuật.

- Tình trạng kỹ thuật hệ thống điện, đèn và còi: Còi hoạt động bình thường; các đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu phía có đầy đủ đúng vị trí lắp, hoạt động bình thường, trước bên phải mờ kính tán xạ, không đảm bảo yêu cầu nhận biết; cụm đèn tín hiệu phía sau bên trái bị vỡ do va chạm trong tai nạn; cụm đèn tín hiệu phía sau bên phải bị vỡ kính tán xạ, không đảm bảo yêu cầu nhận biết; phía trước đầu xe tự ý gắn thêm 04 đèn chiếu sáng.

- Gạt nước kính chắn gió phía trước có đầy đủ, hoạt động bình thường; Gương chiếu hậu hai bên xe có đầy đủ, đảm bảo cho phép người lái có thể nhận biết rõ ràng điều kiện giao thông về phía sau của xe.

- Lốp xe có đầy đủ, đúng kích cỡ, đảm bảo yêu cầu về lắp đặt và chiều cao hoa lốp.

Tại Kết luận giám định số: 1034/KLGD - PC09, ngày 07/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh kết luận vị trí và điểm va chạm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ:

- Điểm va chạm đầu tiên giữa nạn nhân với xe ô tô là vùng thái dương phải (làm cho vùng thái dương phải rách da cơ, bầm tụ máu, nứt xương hộp sọ) với chốt thứ 5 (tính từ trước ra sau) của cửa hông bên trái thùng xe, vị trí cách góc trước bên trái thùng xe 2m64 và cách đất 1m35.

- Điểm va chạm đầu tiên giữa xe mô tô 70F2-7277 với xe ô tô 76C-123.79 là khu vực trước đầu xe mô tô 70F2-7277 với mặt sau gạt chén bùn phía sau bánh trước bên trái xe ô tô 76C-123.79.

Bệnh án ngoại khoa số: 40038/2, ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh kết luận Ethanol (nồng độ cồn) trong máu của anh Võ Văn T là 126/100ml, là hành vi bị nghiêm cấm, quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ và trong quá trình tham gia giao thông đường bộ, không chú ý quan sát gây tai nạn giao thông, là “*Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông*”, quy định tại điểm e khoản 3 Điều 30 Luật Giao thông đường bộ và quy định tại điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định số: 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Do đó, vụ việc xảy ra dẫn đến Võ Văn T chết cũng là một phần lỗi của bị hại.

Tại cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 08 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB đã truy tố bị cáo K về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên phạt: K từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và chủ xe đã bồi thường 41.000.000 đồng cho đại diện bị hại tiền chi phí mai táng, xây mộ... Số tiền còn lại đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo K bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội; chưa có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi, đã thành khẩn khai báo, khắc phục một phần hậu quả; tại phiên tòa đại diện người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo 18 tháng tù cho hưởng án treo.

Người bào chữa, bị cáo không có lời tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện TB, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của người bị hại; người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan Điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 895/KLGD - PC09, ngày 11/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận: Võ Văn T bị đa thương tích, đa chấn thương, chấn thương sọ não, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết.

Do đó Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận K đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là lỗi vô ý. K đã được cấp giấy phép lái xe hạng D, nhưng không tuân thủ quy tắc, quy định an toàn khi tham gia giao thông, đỗ xe ở mép phía Tây đoạn đường liên xã TP đi T G, xe chiếm một phần lòng đường xe chạy nhưng bị cáo K không có tín hiệu cảnh báo; không đặt biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết dẫn đến anh Võ Văn T điều khiển xe mô tô 70F2-7277 va chạm với xe ô tô 76C-123.79 gây hậu quả anh Trí chết là xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, được pháp luật bảo vệ, gây mất mát đau thương cho gia đình người bị hại làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tại cơ quan điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và chủ phương tiện tự nguyện khắc phục bồi thường một phần hậu quả cho đại diện hợp pháp của người bị hại; Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn (thuộc diện hộ cận nghèo), con còn nhỏ; tại phiên tòa bị cáo có lời xin lỗi gia đình người bị hại, đại diện cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trước và sau khi sự việc xảy ra bị cáo chấp hành pháp luật và các quy định của địa phương tốt; mặc khác trong vụ án này bị hại cũng có lỗi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; không cần cách ly ra ngoài đời sống xã hội mà giao bị cáo về cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục vẫn đạt mục đích giáo dục cải tạo người phạm tội và phòng ngừa chung cho xã hội (không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội).

[5] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp lái xe thông thường, không gây nguy hại cho xã hội nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa về áp dụng án treo đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; nên được chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã bồi thường cho đại diện gia đình người bị hại 6.000.000đồng, chủ phương tiện đã tự nguyện giao nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 35.000.000 đồng, trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện giao nộp tại cơ quan thi hành án dân sự 5.000.000đồng để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện thỏa thuận thống nhất chỉ yêu cầu bồi thường tiếp tổng số tiền số tiền 144.000.000đ, trong đó bao gồm tiền tổn thất tinh thần,

tiền cấp dưỡng nuôi cháu T (cấp dưỡng một lần) cho chị P T O, ngoài ra không yêu cầu chi phí nào khác, nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[9] Về tang vật vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà L xe ô tô nhãn hiệu TG, loại xe tải có mui, *số loại TGFA86T4x4*, *số máy WP4*, *165E32*4P16K006384*, *số khung RNNFTF2D4HCM00026*, biển số kiểm soát 76C-123.79, đã qua sử dụng và trả 01 (một) xe mô tô biển số kiểm soát 70F2-7277, nhãn hiệu CITI đã qua sử dụng cho chị O (người sử dụng hợp pháp) là đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả 01 (một) Giấy phép lái xe số: 510093004185, cấp ngày 02 tháng 6 năm 2017 cho K.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo là hộ cận nghèo và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo K cho UBND xã TP, huyện TB, tỉnh QN để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của người bị hại với bị cáo như sau:

Bị cáo K phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền tổn thất về tinh thần, tiền cấp dưỡng nuôi con (cháu T) cho chị O là 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng), đã khấu trừ 6.000.000 đồng đại diện gia đình bị hại đã nhận trước.

Tạm giữ tổng số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) mà bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nộp tại Giấy nộp tiền ngày 13 tháng 12 năm 2021, ngày 07 tháng 4 năm 2021 của ông Đ tại Ngân hàng Agrihank - Chi nhánh huyện TB và biên lai thu tiền số: 0000776 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của cơ quan chỉ cục Thi hành án dân sự huyện TB để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày chị Oanh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo K không chịu trả số tiền nêu trên thì bị cáo K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

3. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả 01 (một) Giấy phép lái xe số: 510093004185, cấp ngày 02 tháng 06 năm 2017 cho K theo biên bản giao nhận ngày 18 tháng 02 năm 2022 giữa cơ quan CSĐT công an huyện TB với Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện TB.

4. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện TB;
- Cơ quan CSĐT CA huyện TB;
- Cơ quan THAHS CA huyện TB;
- Nhà tạm giữ CA huyện TB;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký